

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2024/QĐST-DS

Cẩm Khê, ngày 12 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 1, 3, 5 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 7 Điều 26; Điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/TLST - DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Huy S, sinh năm 1959 và ông Nguyễn Huy B, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Khu A, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Khu Minh L xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn 10, xã E, huyện E, tỉnh Đ.

3. Bà Hà Thị V, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn 10, xã E, huyện E, tỉnh Đ.

4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976

5. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1986

6. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978

(Chị N, chị A, chị Y đều cư trú tại: Thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ)

7. Anh Nguyễn Huy Q, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn 10, xã E, huyện E, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ N, Số 24, đường Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh B.

(Chị N, chị A, chị Y, anh Q là con của bà V)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông S được sở hữu và sử dụng diện tích đất theo chỉ giới 1, 2, 12, 13, 14, 15, 1 có diện tích 227,3m² (133m² đất ở, 94,3m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất 86, tờ bản đồ 19 (BĐ 299) (Nay là thửa đất 601, tờ bản đồ 29 - Bản đồ VN.2000), địa chỉ thửa đất khu : Khu A, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, có tổng giá trị là 166.005.000đồng (trong đó giá trị đất ở là 133.000.000đồng và đất vườn trị giá là 33.005.000đồng).

Trên đất có các tài sản là: 01 nhà xây cấp 4 lợp mái bloximang diện tích 25,7m² (Là tài sản của bà Nguyễn Thị T đã chết), sân trước nhà lợp mái bloximang diện tích mái 25m², 01 đoạn tường rào xây gạch chỉ không chát dài 7,51m, 02 cây xoài đường kính 40cm/1 cây, 01 cây hồng xiêm đường kính 20cm và các cây cối lâm lộc khác có trên đất (Tài sản này thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Kim L).

- Bà Nguyễn Thị Kim L được sử dụng diện tích đất theo chỉ giới 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 2 có diện tích 454,5m² (trong đó 267m² đất ở, 187,5m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất 86, tờ bản đồ 19 (BĐ 299) (Nay là thửa đất 601, tờ bản đồ 29- Bản đồ VN.2000), địa chỉ thửa đất: Khu A, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, có tổng giá trị là 332.625.000đồng (trong đó giá trị đất ở là 267.000.000đồng và đất trồng cây lâu năm là 65.625.000đồng).

Trên đất có các tài sản của bà L gồm: 01 nhà chính xây 2 tầng diện tích 122,2m², nhà kho phía sau nhà lợp mái bloximang và mái tôn tổng diện tích 96,9m², sân lát gạch men, tường rào xây có chát và sơn 1 mặt dài 20m, bờ rào song bê tông dài 9,5m, phần cổng có 2 trụ cổng xây gạch và cánh cổng bằng thép hộp sơn.

(Có bản vẽ trích đo hiện trạng kèm theo).

- Bà L có nghĩa vụ di dời 25m² mái bloximang, 7,51m dài tường rào xây gạch chỉ không chát, 02 cây xoài và 01 cây hồng xiêm, cùng toàn bộ cây cối lâm lộc

trên diện tích đất ông S được quyền sở hữu và sử dụng. Ông S hỗ trợ bà L 1.000.000đ tiền công bà L tháo dỡ.

- Về tiền chi phí tố tụng về đo đạc, xem xét thẩm định và định giá: 6.500.000đồng, ông S tự nguyện chịu toàn bộ, bà L không phải thanh toán lại cho ông S.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Huy S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần ông S được hưởng vì là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Ông S chịu án phí đối với phần thừa kế của ông B cho ông S được hưởng là 2.075.000đồng. Xác nhận ông B đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004703 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Ông S còn phải nộp 1.775.000đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí theo quy định pháp luật đối với phần thừa kế bà L được hưởng theo quy định; phần thừa kế của bà Đ giao cho bà; phần thừa kế của ông Nguyễn Huy X đã chết (những người thừa kế của ông X là bà Hà Thị V, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Huy Q) cho bà được hưởng tổng số tiền là 6.236.000đồng. Bà L được miễn án phí đối với phần thừa kế bà Trai cho bà được hưởng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Trần Việt D